

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2018
Về việc: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Luân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diễm

2. Ông Huỳnh Dư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự::

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M - sinh năm: 1980

Hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã T, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa

Nơi cư trú: Số x Q, phường H, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Ông Lê Thanh V- sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Lê Thanh V tự nguyện kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44/2009, quyền số 01 ngày 18/12/2009. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Ông V không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông Lê Thanh V có một con chung là Lê Thanh B, sinh ngày 13/5/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nay bà không yêu cầu ông Lê Thanh V cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); chứng minh nhân dân Nguyễn Thị M, Lê Thanh V (bản sao); Giấy khai sinh Lê Thanh B (bản sao); Sổ hộ khẩu Lê Thanh V (bản sao).

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Lee Thanh V.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh B - sinh ngày 13/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu ông Lê Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh V.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Mi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết về ly hôn và nuôi con chung giữa bà và ông Lê Thanh V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Thanh V tự nguyện kết hôn và đã được ủy ban nhân dân xã T, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44/2009, quyền số 01 ngày 18/12/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì không tôn trọng, yêu thương, không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay, bà M và ông V mỗi người sống một nơi, mạnh ai nấy sống, khả năng hàn gắn không còn. Xét thấy tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Lê Thanh V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Thanh V có một con chung là cháu Lê Thanh B - sinh ngày 13/5/2011. Bà M yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B.

Xét: Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chung chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm đảm bảo cho con phát triển tốt nhất cả về mặt thể chất và tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con. Hiện nay cháu B đang sống ổn định với bà M, bà M cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, yêu cầu của bà M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh B là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nay tại phiên tòa bà Sanh tự nguyện không yêu cầu ông Lê Thanh V cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện của bà M không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Lê Thanh V.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh B – sinh ngày 13/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu ông Lê Thanh V cấp dưỡng nuôi con

* Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Thanh V có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông Lê Thanh V thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012415 ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Lê Thanh V có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C
- CCTHCDS TP. C
- UBND xã T
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Luân